

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 28 - 02 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Liên;

Bà Lương Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Tuấn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T; tên gọi khác: Không, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1990, tại xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn K (đã chết) và bà Hoàng Thị T (hiện nay không rõ ở đâu); có vợ là Triệu Thị C, sinh năm 1991 và có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2018 đến nay. Có mặt.

2. Triệu Hữu Q; tên gọi khác: Không, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1982, tại xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K1, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Triệu Đức T sinh năm 1952 và bà Lý Thị L sinh năm 1954; có vợ là Triệu Thị H, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình

sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2018 đến nay, có mặt.

3. Triệu Thị T; tên gọi khác: Không, sinh ngày 27 tháng 02 năm 1976, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K1, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá lớp 0/12; dân tộc dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Triệu Đức T sinh năm 1952 và bà Lý Thị L sinh năm 1954; có chồng là Triệu Thanh H (đã chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2018 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T: Ông Lương Văn Chuyên, là trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có đơn xin xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Hữu Q: Bà Chu Bích Thu, là trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị T: Bà Lương Thị Hương Lan, là trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Triệu Đức T, trú tại: Thôn K1, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Hoàng Việt T, trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Anh Triệu Văn Đ, trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Anh Lô Văn Đ, trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

5. Anh Hoàng Văn D, trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6. Anh Chu Văn C, trú tại: Thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Anh Triệu Văn C, trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Lý Thị L, có mặt.

2. Bà Triệu Thị P, có mặt.

3. Bà Triệu Thị X, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 03/11/2018, bị cáo Hoàng Văn T điều khiển xe mô tô đi đến thành phố C gặp một người đàn ông không rõ tên tuổi và địa chỉ mua được 02 gói ma túy với giá 250.000 đồng về để sử dụng. Mua được ma túy, Hoàng Văn T điều khiển xe quay về khi đến thôn K1, xã K, huyện T thì vào nhà ông Triệu Đức T uống nước, tại đây bị cáo cho ông Triệu Đức T một ít ma túy để sử dụng bằng hình thức “ hít”, một lúc sau T ra về thì gặp Triệu Hữu Q (con trai ông T), có nhờ Hoàng Văn T cầm 02 gói ma túy đến nhà Triệu Thị T để cho bà Lý Thị L là mẹ đẻ của Q và T thì được Hoàng Văn T đồng ý. Đến khoảng 18 giờ khi đến nhà Triệu Thị T thì Hoàng Văn T biết bà Lý Thị L và Triệu Thị T không biết Q gửi ma túy về cho nên đã nảy sinh ý định mua bán chất ma túy để kiếm lời. Hoàng Văn T bán cho bà Lý Thị L 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng, tiếp tục bán cho Triệu Thị T 01 gói ma túy còn lại với giá 100.000 đồng, Triệu Thị T trừ vào số tiền 2.000.000 đồng mà T đã nợ trước đó. Khi có được chất ma túy thì bà L lấy ma túy về sử dụng, còn T cất ma túy dưới chăn trên đệm trong phòng ngủ rồi đi ra khỏi nhà. Khi đó Hoàng Văn T quan sát thấy có chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J5 của T để ở trên phản cạnh bếp nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và cho điện thoại vào túi quần và đi về. Hoàng Văn T đem chiếc điện thoại trộm cắp được và 02 gói ma túy mua được cất giấu vào bụi cây cạnh nhà. Triệu Thị T sau đó kiểm tra phát hiện đã bị mất chiếc điện thoại của mình và nghi ngờ Hoàng Văn T trộm nên đã trình báo cơ quan Công an.

Nhận được tin báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Định đã triệu tập và lấy lời khai của Hoàng Văn T, tại cơ quan điều tra Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và tự thú về 02 gói chất ma túy đã mua nộp cho cơ quan điều tra. Căn cứ vào lời khai của Hoàng Văn T cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét chỗ ở của Triệu Thị T và Triệu Hữu Q.

Vật chứng thu giữ được cụ thể như sau:

Tại nhà của Triệu Thị T: Thu giữ 01 gói chất bột màu trắng trên đệm dưới chăn tại giường ngủ; số tiền 1.018.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Tplus G101 màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng; 02 điện thoại di động FPT vỏ màu đen; 01 điện thoại di động Itel vỏ màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen; 01 giấy phép lái xe mang tên Lô Văn Đ; 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn D và 01 giấy đăng ký xe mang tên Chu Văn C; 01 giấy phép lái xe mang tên Triệu Văn C.

Tại nhà của Triệu Hữu Q: Thu giữ được 01 gói chất bột màu trắng tại lỗ cột trong bếp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ; 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh; 01 điện thoại di động AVIO màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG

màu trắng; 01 giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Việt T; 01 giấy đăng ký xe mang tên Triệu Văn Đ và số tiền 500.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 359/KL-PC09, ngày 06/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 02 gói chất bột màu trắng thu giữ của Hoàng Văn T là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,150 gam; 01 gói chất bột màu trắng thu giữ của Triệu Thị T là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,270 gam; 01 gói chất bột màu trắng thu giữ của Triệu Hữu Q là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,391 gam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28/HĐĐGTS ngày 07/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị chiếc điện thoại di động SAMSUNG GALAXY J5 của Triệu Thị T có giá trị 2.945.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-TĐ ngày 29/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để xét xử bị cáo Hoàng Văn T về các tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Triệu Hữu Q, Triệu Thị T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Hoàng Văn T, Triệu Hữu Q đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, như cáo trạng đã nêu và thấy rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Triệu Thị T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Triệu Thị T, Triệu Hữu Q, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, c khoản 2 Điều 251, Điều 38, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm các tội “Trộm cắp tài sản và tội mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù giam; tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Hữu Q, Triệu Thị T. Tuyên bố bị cáo Triệu Hữu Q và bị cáo Triệu Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Hữu Q, Triệu Thị T mức án từ 01 năm đến 02 năm tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo không có tài sản gì có giá trị và không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy bị thu giữ do đây là vật phạm pháp; tịch thu số tiền của bị cáo Hoàng Văn T

do phạm tội mà có; trả lại cho các bị cáo tài sản không dùng vào việc phạm tội; trả cho các đối tượng các giấy tờ không liên quan.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T gửi lời bào chữa tại phiên tòa để bào chữa cho bị cáo. Tại bản luận cứ được công bố cho rằng: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị áp dụng về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i (với tội trộm cắp tài sản), r, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, về áp dụng tình tiết định khung hình phạt đối với 2 người trở lên và phạm tội nhiều lần là không hợp lý, bởi lẽ việc áp dụng trong trường hợp này không đảm bảo nguyên tắc một hành vi vi phạm chỉ bị xử phạt một lần, ngoài ra việc áp dụng cả hai nguyên tắc không có lợi cho bị cáo và không phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật trong xử lý trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chỉ cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, áp dụng thêm điểm i, r, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 55, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức án khởi điểm của khung hình phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và không áp dụng hình phạt bổ sung cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo, đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 50.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị T, Triệu Hữu Q tại phiên tòa, nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, đối với bị cáo Triệu Thị T còn có hoàn cảnh gia đình éo le, sự nỗ lực của bị cáo trong nuôi dạy các con là sự cố gắng vượt bậc của bản thân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Thị T, Triệu Hữu Q, xử phạt các bị cáo với mức án khởi điểm của khung hình phạt là 01 năm tù cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung, trả lại cho bị cáo Triệu Thị T 08 chiếc điện thoại, bị cáo Triệu Hữu Q 05 chiếc điện thoại và toàn bộ số tiền đã thu giữ vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Bị cáo Triệu Thị T nhất trí lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo về tội danh và hình phạt và tỏ thái độ hối hận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Triệu Đức T, là bố của bị cáo Triệu Thị T, Triệu Hữu Q cho rằng vì bố mẹ đều nghiện ma túy, hoàn cảnh khó khăn, các con mua ma túy cũng để cho mẹ sử dụng; đặc biệt là Triệu Thị T do nhận thức không đầy đủ, hoàn cảnh sống vất vả, khó khăn và thương mẹ nên mới dẫn đến hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên tại phiên tòa cho rằng: Hành vi bán ma túy của Hoàng Văn T cho Lý Thị L và Triệu Thị T đủ dấu hiệu và điều kiện áp dụng theo hai điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự nên không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T; việc áp dụng tình tiết

phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo Hoàng Văn T là không có cơ sở vì bị cáo thực hiện hành vi mua bán ma túy xong mới thực hiện hành vi trộm cắp nên không có căn cứ áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết giúp đỡ các cơ quan điều tra, viện kiểm sát không nhất trí vì nghiệp vụ điều tra vẫn tiến hành khám xét và phát hiện không ảnh hưởng đến sự khai báo, tự thú của bị cáo nhưng chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ đầu thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với lời nhận tội của bị cáo Triệu Thị T sau lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Thị T để giảm mức hình phạt đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Hoàng Văn T, Triệu Hữu Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án. Bị cáo Triệu Thị T trình bày: Bô bị cáo là ông Triệu Đức T đã nói đỡ cho bị cáo nên bị cáo không muốn trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo với nhau, phù hợp với lời khai nhận của người làm chứng, người liên quan đến vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định ngày 03/11/2018, Hoàng Văn T đã có hành vi bán hai gói ma túy Heroine cho Lý Thị L và Triệu Thị T mỗi người một gói giá 100.000 đồng, sau đó trộm cắp chiếc điện thoại Samsung Galaxy J5 của Triệu Thị T được định giá 2.945.000đ. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; có căn cứ khẳng định Triệu Thị T tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 0,270g và Triệu Hữu Q đã tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng là 0,391g. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Xét lời nhận tội của các bị cáo và lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định và các khách thể được pháp luật bảo vệ; các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức được hành động của mình là trái pháp luật nhưng

vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Để có mức án phù hợp với từng hành vi mà các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử còn đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của từng bị cáo, thấy rằng:

[4] Đối với Hoàng Văn T, về nhân thân chưa từng vi phạm pháp luật, vừa là nạn nhân của tệ nạn ma túy, lẽ ra phải biết việc dùng ma túy là có hại cho sức khỏe, mua bán ma túy là trái pháp luật nhưng bị cáo lại coi thường pháp luật, dùng thủ đoạn không minh bạch khi lấy chính gói ma túy mà Triệu Hữu Q nhờ mang về cho người mẹ nghiện ma túy lại bán cho chính họ, qua đó gián tiếp và trực tiếp đưa người khác vào con đường phạm tội và vi phạm pháp luật, không những thế lại lợi dụng sự sơ hở, trộm cắp tài sản của Triệu Thị T; về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong quá trình đình tra đã đầu thú về hành vi phạm tội khác, tích cực hợp tác trong quá trình điều tra nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; về tình tiết tăng nặng định khung, thấy rằng bị cáo bán ma túy cho hai người, mỗi người một lần, trong trường hợp đặc biệt này, tình tiết phạm tội hai lần và đối với hai người thì cấu thành tình tiết của hành vi này đã nằm trong hành vi kia, nên theo tinh thần thu hút hành vi trong tội phạm ma túy, cũng như một hành vi chỉ cần áp dụng một lần trong nguyên tắc công minh và bình đẳng trước pháp luật. Do vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo hai tình tiết định khung trong trường hợp này có phần tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nhưng, mức hình phạt đề nghị về hai tội áp dụng đối với bị cáo là rất phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Đối với bị cáo Triệu Hữu Q, về nhân thân, bị cáo chưa từng vi phạm pháp luật, việc tàng trữ chỉ để phục vụ nhu cầu bản thân, không có hành động tư lợi, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xét điều kiện hoàn cảnh sống trong vùng khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt, như lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với bị cáo Triệu Thị T sinh ra trong hoàn cảnh khó khăn về đời sống tình cảm thiếu thốn, chồng không có, bố mẹ, em trai đều là người nghiện ma túy, bắt đầu từ mới có hành vi mua ma túy cho chính mẹ mình sử dụng mà không lựa chọn cách xử sự phù hợp khác. Cách xử sự không mong muốn này đã dẫn đến hành vi phạm tội ngày hôm nay. Ngoài ra, khi áp dụng hình phạt cũng nên xét đến điều kiện hoàn cảnh và trình độ nhận thức của bị cáo, với trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, sống tại nơi đặc biệt khó khăn của huyện đã phần nào ảnh hưởng đến hành vi của bị cáo. Để có cách xử sự phù hợp sau này và cũng là bài học cho bị cáo, lẽ ra phải xử phạt bị cáo mức án cao mà Viện kiểm sát đề nghị mới đủ tính giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung cho người không thành khẩn khai báo và nhận tội. Nhưng cuối cùng bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình và xét các yếu tố dẫn đến hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử sẽ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để lấy đó làm bài học và yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình. Ngoài tình tiết tăng nặng định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác. Do đó, lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý về

mức án đối với bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng đặc biệt khó khăn của huyện, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với bà Lý Thị L và Triệu Đức T sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Công an huyện Trảng Định đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lý Thị L và Triệu Đức T là phù hợp.

[9] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Việt T; anh Triệu Văn Đ; anh Lô Văn Đ; anh Hoàng Văn D; anh Chu Văn C, Triệu Văn C. Đây là những người có giấy tờ cá nhân bị thu giữ nhưng không có căn cứ liên quan đến việc phạm tội cần trả lại là phù hợp.

[10] Về vật chứng của vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền 50.000 đồng mà bị cáo Hoàng Văn T thu lợi bất chính cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền và tài sản của các bị cáo, giấy tờ của người liên quan đến vụ án không dùng vào việc phạm tội, không do phạm tội mà có cần trả lại cho các bị cáo và người liên quan.

[11] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Hữu Q, Triệu Thị T.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm các tội: Trộm cắp tài sản và tội mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Triệu Hữu Q, Triệu Thị T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 06 (sáu) tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản và 07 (bảy) năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Triệu Hữu Q 12 (mười hai) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Triệu Thị T 12 (mười hai) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy:

- Một phong bì ghi chữ “Tang vật thu giữ của Hoàng Văn T sinh năm 1990 ngày 04/11/2018” có chữ ký của giám định viên và các con dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có 0,105 gam Heroine (*phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết*).

- Một phong bì ghi chữ “Tang vật thu giữ của Triệu Hữu Q ngày 04/11/2018” có chữ ký của giám định viên và các con dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có 0,279 gam Heroine (*phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết*).

- Một phong bì ghi chữ “Tang vật thu giữ của Triệu Thị T ngày 04/11/2018” có chữ ký của giám định viên và các con dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có 0,207 gam Heroine (*phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết*).

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Hoàng Văn T.

Tuyên trả lại cho Triệu Thị T số tiền 1.018.000đ (một triệu không trăm mười tám nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 màu ghi vàng đã qua sử dụng; một điện thoại Iphone màu trắng; một điện thoại di động nhãn hiệu Tplus G101 màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu ghi vàng, màn hình cảm ứng đã bị nứt vỡ; 02 điện thoại di động FPT vỏ màu đen; 01 điện thoại di động Itel vỏ màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen (tất cả điện thoại đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Triệu Hữu Q một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng; một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng xanh; một điện thoại di động NOKIA màu cam; một điện thoại di động AVIO màu đen; một điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, màn hình bị vỡ nứt (tất cả điện thoại đã qua sử dụng). Trả lại cho bị cáo Triệu Hữu Q số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Số tiền trả lại cho bị cáo Triệu Hữu Q và Triệu Thị T và số tiền tịch thu của bị cáo Hoàng Văn T theo Ủy nhiệm chi lập ngày 12/02/2019 giữa đơn vị trả tiền: Công an huyện Trảng Định và đơn vị nhận tiền: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tại tài khoản số: 3949.0.1054413.00000 Kho bạc Nhà nước huyện Trảng Định.

Trả lại cho người liên quan các giấy tờ sau: Trả cho anh Hoàng Việt T một giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Việt T; anh Triệu Văn Đ một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Triệu Văn Đ; anh Hoàng Văn D một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Hoàng Văn D; anh Chu Văn C

một đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Chu Văn C; anh Triệu Văn C một giấy phép lái xe mang tên Triệu Văn C.

(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định và Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn ngày 31 tháng 01 năm 2019).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Hoàng Văn T, Triệu Hữu Q, Triệu Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Triệu Hữu Q, Triệu Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo (qua Công an huyện);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo địa chỉ)
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Bấy